

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 475/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 12 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và hủy bỏ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát Quảng Phú 3, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô;*

*Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát Quảng Phú 3, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 75/TTr-STNMT ngày 11 tháng 4 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau**

Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt là:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R = 1.164.052.620 \text{ đồng.}$$



(Trong đó:  $Q$  là trữ lượng khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác,  $G$ : Giá tính tiền cấp quyền,  $G_m$ : Giá tính thuế tài nguyên đối với cát được xác định tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông  $G_m = 100.000$  đồng/ $m^3$  cát sau khai thác;  $K_1$  hệ số khai thác = 0,9;  $K_2$  hệ số khu vực = 0,9;  $R$  là mức thu tiền cấp quyền = 4% được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ;  $X$ : là tổng số năm khai thác, xác định theo Giấy phép khai thác khoáng sản;  $K_{qd}$ : hệ số quy đổi được xác định theo Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành).

**2. Điều chỉnh khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau**

Số tiền nộp hàng năm là  $T_{hn} = 2T: X = 145.506.578$  đồng.

**3. Điều chỉnh khoản 8 Điều 1 Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau**

Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp những năm kế tiếp (từ năm 2017 đến năm 2023) như sau:

Năm	Số tiền cấp quyền sau khi điều chỉnh (đồng)	Lý do điều chỉnh
2017	145.506.578	Do tổng số tiền phải nộp ( $T$ ) và số tiền nộp hàng năm ( $T_{hn}$ ) đã được điều chỉnh nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quyết định này.
2018	445.613.894	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do tổng số tiền phải nộp (<math>T</math>), và số tiền nộp hàng năm (<math>T_{hn}</math>) đã được điều chỉnh nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Quyết định này;</li> <li>- Giá tính thuế tài nguyên các năm 2018, 2019, 2020, 2022 <math>G_m = 245.000000</math> đồng/<math>m^3</math>, được điều chỉnh theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;</li> <li>- Thay đổi mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản <math>R</math> (%) = 5% theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.</li> </ul>
2019	445.613.894	
2020	445.613.894	
2021	445.613.894	
2022	445.613.894	
2023	545.649.666	Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản năm 2023 là $G_m = 300.000$ đồng/ $m^3$ , được điều chỉnh theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh.





**\* Lý do điều chỉnh:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành thì  $G = G_{tm} \times K_{qd}$ .

Do giá tính thuế tài nguyên đối với cát tại Quyết định số 2138/QĐ-UBND 29/12/2015 của UBND tỉnh là giá khoáng sản nguyên khai có đơn vị là đồng/m<sup>3</sup> (cát sau khai thác), trong khi đơn vị trữ lượng cấp phép khai thác cấp cho tại Giấy phép khi thác mỏ cát Quảng Phú 3, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô là cát nguyên khối chưa khai thác (trừ lượng địa chất) đơn vị tính là m<sup>3</sup>, nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT, hệ số quy đổi  $K_{qd}$  được xác định theo công thức sau:  $K_{qd} = H_n$ . Hệ số nở rời cát nguyên khai được áp dụng theo quy định tại Phụ lục C, TCVN 4447:2012 là 1,125.

**Điều 2.**

1. Hủy bỏ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát Quảng Phú 3, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô.

2. Doanh nghiệp Tư nhân Văn Hồng có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Nô, Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Văn Hồng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT (N).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

